

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/DS - ST.

Ngày 20/4/2021.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA AN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- * Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lương Thị Ngọc Hà.
- * Các Hội thẩm nhân dân :** - Ông Vũ Ngọc Côn.
- Ông Mạc Vương Long.
- * Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ca - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:**
Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 68/2020/DSST ngày 07 tháng 10 năm 2020 Về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX - ST ngày 05 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST - DS ngày 04 tháng 3 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 09/2021/QĐST - DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- * Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thọ D - Sinh năm 1962 (Có mặt).
- Trú tại: Thôn B, xã Nam D, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- * Bị đơn: Anh Phạm Văn D1 - Sinh năm 1980 (Vắng mặt).
Chị Hồ Thị Y - Sinh năm 1984(Có mặt).
- Đều trú tại: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- * Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Bà Giáp Thị P - Sinh năm 1961(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
- Trú tại: Thôn B, xã Nam D, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Thọ D trình bày:***

Do ông có quan hệ hàng xóm với anh Phạm Văn D1, chị Hồ Thị Y. Anh D1 chị Y có tổ hợp gia công hàng may mặc tại thôn B, xã N. Trong quá trình làm, vợ chồng anh D1 có vay của ông số tiền cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 25/02/2015(dương lịch) anh D1 vay của ông số tiền là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn) khi vay anh D1 hẹn ông đến ngày 25/3/2019 anh D1 sẽ trả hết cho ông. Tuy nhiên đến hẹn anh D1 không trả cho ông mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Vì vậy nay ông yêu cầu anh D1, chị Y phải trả cho ông số tiền gốc là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn) và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 25/3/2019 (dương lịch) đến nay theo quy định của pháp luật.

Lần 2: Vào ngày 25/5/2019 (âm lịch) anh Phạm Văn D1 và vợ là chị Hồ Thị Y đã vay của ông số tiền là 71.000.000đồng (Bảy mươi một triệu đồng chẵn) khi vay anh D1 chị Y thỏa thuận miệng với ông là vay nóng 01 tuần, nhưng khi cần ông đã đòi nhiều lần mà anh D1 không trả. Vì vậy tại đơn khởi kiện ông yêu cầu anh D1, chị Y phải trả cho ông số tiền gốc là 71.000.000đồng (Bảy mươi một triệu đồng chẵn) và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 01/6/2019. Nhưng nay ông đề nghị tính lãi của số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Lần 3: Vào ngày 01/7/2019 (dương lịch) anh Phạm Văn D1 và vợ là chị Hồ Thị Y đã vay của ông số tiền là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng chẵn) khi vay anh D1 chị Y hẹn ông đến ngày 18/7/2019 (dương lịch) anh D1 sẽ trả hết cho ông. Nhưng đến hẹn ông đã đòi nhiều lần mà anh D1, chị Y không trả cho ông. Vì vậy ông yêu cầu anh D1, chị Y phải trả cho ông số tiền gốc là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng chẵn) và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 18/7/2019 (dương lịch) đến nay theo quy định của pháp luật tính đến ngày xét xử và ngày anh D1 chị Y trả hết nợ cho ông.

*** Bị đơn là anh Phạm Văn D1** đang có nghĩa vụ trả nợ cho ông D nhưng anh D1 không có mặt tại địa phương. Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, thông báo yêu cầu cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho chị Y là vợ anh D1 nhận thay báo anh D1 đến Tòa để làm việc, nhưng anh D1 không đến Tòa để viết bản tự khai và hòa giải. Tòa án đã xác minh tại Cục xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì xác định anh D1 có hộ khẩu thường trú tại địa phương, ngày 02/02/2021 đã xuất cảnh, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

*** Tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa, bị đơn chị Hồ Thị Y trình bày:**

Chị có quan hệ là hàng xóm với ông Nguyễn Thọ D, anh Phạm Văn D1 là chồng chị. Anh chị không có đăng ký kinh doanh, do cần tiền trang trải công việc vợ chồng chị có vay của ông D số tiền gốc tổng là 101.000.000đồng (Một trăm linh một triệu đồng) nhưng do gặp khó khăn nên chưa trả được cho ông D. Nay ông D kiện đòi và được Tòa án thụ lý giải quyết thì chị đã báo cho anh D1 chồng chị, nhưng anh D1 bận công việc nên không về trình bày và đến Tòa làm việc được như giấy hẹn. Đến ngày 02/02/2021 anh D1 chồng chị đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để trang trải công nợ. Vì vậy chị nhận trách nhiệm cùng chồng chị là anh Phạm Văn D1 trả cho ông D số tiền gốc tổng là 101.000.000đồng (Một trăm linh một triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản biên bản ghi lời khai 13/01/2021 bà Giáp Thị P trình bày:**

Bà có quan hệ là vợ của ông Nguyễn Thọ D, việc vay nợ giữa ông D và anh D1, chị Y ra sao thì bà không được rõ. Nhưng về ông D cũng có nói lại với bà, vì vậy bà xác định số tiền ông D cho anh D1, chị Y vay là tiền chung của vợ chồng bà. Do anh D1, chị Y vay tiền đã lâu nhưng không trả đúng như đã hẹn, vì vậy ông D chồng bà đã có đơn khởi kiện yêu cầu anh Phạm Văn D1, chị Hồ Thị Y phải trả số tiền 101.000.000đồng (Một trăm linh một triệu đồng chẵn) tiền gốc và 14.640.000.000đồng (Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn) tiền lãi tính từ ngày vay đến tháng 8/2020. Tổng cả gốc và lãi là 115.640.000đồng (Một trăm mười lăm triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn) trong thời gian sớm nhất thì bà hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến: Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ, Hội đồng xét xử và đương sự đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 305; Điều 463; Điều 466; 468; 469; 470; 688 Bộ luật dân sự 2015. Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thọ D.

Buộc anh Phạm Văn D1 và chị Hồ Thị Y phải trả cho ông Nguyễn Thọ D và bà Giáp Thị P 111.500.000đồng (Một trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) trong đó 101.000.000đ (một trăm linh một triệu đồng chẵn) tiền gốc và 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) tiền lãi.

Án phí: Anh Phạm Văn D1 và chị Hồ Thị Y phải chịu 5.575.000đồng (Năm triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Thọ D 2.900.000đồng tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/001592 ngày 07/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án dân sự về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự do sự việc xảy ra và nơi cư trú của các đương sự tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, anh Phạm Văn D1 khi xét xử không có mặt tại Việt Nam nhưng khi thụ lý anh D1 chưa xuất cảnh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về thời hiệu: Theo giấy vay tiền, thời hạn trả nợ lần 1 là 25/3/2019, lần 2 không hẹn ngày trả, lần 3 là 18/7/2019 nên khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì thời hiệu giải quyết vẫn còn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng vay nợ với ông Nguyễn Thọ D với anh Phạm Văn D1 và chị Hồ Thị Y ông D khai anh D1 là người trực tiếp viết, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh D1 không có mặt trình bày nhưng chị Y đã xác nhận khoản vay là số tiền 101.000.000đồng (một trăm linh một triệu đồng chẵn) tiền gốc của ông Nguyễn Thọ D. Nên căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Thọ D xác định từ khi vay nợ đến nay bị đơn anh Phạm Văn D1 và chị Hồ Thị Y chưa trả cho vợ chồng ông được đồng nào nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc Phạm Văn D1 và chị Hồ Thị Y phải trả cho ông số tiền 101.000.000đ (một trăm linh một triệu đồng chẵn) tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật đến ngày xét xử. Bị đơn là chị Hồ Thị Y có mặt trình bày nhất trí về khoản nợ gốc ông D kiện đòi và nhất trí trả lãi cho ông D theo quy định của pháp luật.

Vì vậy xác định anh Phạm Văn D1 và chị Hồ Thị Y đã vay của ông Nguyễn Thọ D khoản tiền 101.000.000đồng(một trăm linh một triệu đồng chẵn) đến nay chưa trả nên cần buộc anh Phạm Văn D1 và chị Hồ Thị Y phải có trách nhiệm trả cho ông D khoản tiền 101.000.000đ (một trăm linh một triệu đồng chẵn) tiền gốc. Về lãi xuất của khoản nợ trên, ông D yêu cầu anh D1 chị Y phải trả theo quy định của pháp luật. Do giấy nhận nợ vào ngày 25/02/2015, ngày hẹn trả là ngày 25/3/2019 và giấy nhận nợ ngày 01/7/2019, ngày hẹn trả là ngày 18/7/2019 như vậy anh D1, chị Y có hẹn ngày trả nợ cho ông D nhưng không có thỏa thuận về lãi nên căn cứ vào Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015 anh D1 chị Y phải chịu lãi suất 10%/năm kể từ ngày hẹn trả. Đối với giấy vay tiền ngày 25/5/2019 khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi và thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015 tiền lãi của khoản vay này được tính kể từ ngày ông D nộp đơn khởi kiện đến Tòa án (ngày 03/9/2020) cụ thể:

Lần 1: Số tiền gốc là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn) và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 25/3/2019 (dương lịch) đến ngày 20/4/2021 x 10%/năm = 4.200.000đồng.

Lần 2: Số tiền gốc là 71.000.000đồng (Bảy mươi một triệu đồng chẵn) và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 03/9/2020 đến ngày 20/4/2021 x 10%/năm = 4.500.000đồng.

Lần 3: Số tiền gốc là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng chẵn) và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 18/7/2019 (dương lịch) đến ngày 20/4/2021 x 10%/năm = 1.800.000đồng.

Tổng số tiền anh Phạm Văn D1 và chị Hồ Thị Y phải trả cho ông Nguyễn Thọ D và bà Giáp Thị P là 111.500.000đồng (Một trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) trong đó 101.000.000đ (một trăm linh một triệu đồng chẵn) tiền gốc và 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) tiền lãi.

[3] Về án phí: Anh Phạm Văn D1 và chị Hồ Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 305; Điều 463; Điều 466; 468; 469; 470; 688 Bộ luật dân sự 2015. Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thọ D.

Buộc anh Phạm Văn D1 và chị Hồ Thị Y phải trả cho ông Nguyễn Thọ D và bà Giáp Thị P 111.500.000đồng (Một trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) trong đó 101.000.000đ (một trăm linh một triệu đồng chẵn) tiền gốc và 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) tiền lãi tính đến ngày 20/4/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí: Anh Phạm Văn D1 và chị Hồ Thị Y phải chịu 5.575.000đồng (Năm triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Thọ D 2.900.000đồng tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/001592 ngày 07/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Đương sự;
- L- u hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Ngọc Hà